

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

---

Hà Nội, tháng 3 năm 2015

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 29





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đặng Xuân Cừ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên
Ông Trần Chí Dũng	Ủy viên
Ông Đoàn Minh Phú	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Chung	Ủy viên

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Dương Thị Việt Thắm	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Thanh Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Nguyệt Nga	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 01/4/2014)
Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/4/2014)

**BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Quốc Trường	Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Chung	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thái	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 01/4/2014)
Bà Vũ Thị Nguyệt Nga	Phụ trách kế toán (Miễn nhiệm ngày 01/7/2014)
Bà Dương Ánh Hồng	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm ngày 01/7/2014)

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tôi công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Quốc Trường**  
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

789-C  
CÔNG TY  
PHIẾM HỮU  
M TÔI  
T.J  
NHÀ  
CÀ N  
HẦY -





**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 7, Tòa nhà Lotus, Số 2 Đường Duy Tân  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Tel: +844 3795 53 53 | Fax: +844 3795 52 52

www.rsm.com.vn | dtl\_hanoi@rsm.com.vn

Số. 15/2015/DTLHN - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông của  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng Không**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 29.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thành Lâm**  
Giám đốc  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0299-2013-026-1

*Thay mặt và đại diện*  
**Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2015

**Hoàng Thị Vinh**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2013-026-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>111.644.400.097</b>	<b>92.799.061.208</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>24.425.413.023</b>	<b>20.360.846.173</b>
1. Tiền	111		24.425.413.023	10.360.846.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>71.051.823.325</b>	<b>59.379.009.143</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	36.244.395.106	52.440.903.051
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	34.569.347.604	6.938.106.092
3. Các khoản phải thu khác	135		238.080.615	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.4</b>	<b>14.187.048.255</b>	<b>12.528.354.411</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.187.048.255	12.528.354.411
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.980.115.494</b>	<b>530.851.481</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	27.777.273
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		117.914.608	54.086.475
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.862.200.886	448.987.733
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.031.770.272</b>	<b>8.784.069.532</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.914.448.458</b>	<b>8.491.607.919</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	7.504.268.458	8.491.607.919
Nguyên giá	222		19.352.149.761	19.229.655.150
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.847.881.303)	(10.738.047.231)
2. Tài sản cố định vô hình	227		410.180.000	-
Nguyên giá	228		497.657.500	87.477.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.477.500)	(87.477.500)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.117.321.814</b>	<b>292.461.613</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.117.321.814	292.461.613
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>120.676.170.369</b>	<b>101.583.130.740</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>78.605.228.922</b>	<b>62.613.946.043</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>78.570.228.922</b>	<b>62.613.946.043</b>
1. Phải trả người bán	312	4.6	29.009.867.459	31.259.093.741
2. Người mua trả tiền trước	313	4.7	37.183.165.044	19.852.379.927
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.8	1.836.136.270	1.842.056.491
4. Phải trả người lao động	315		4.964.848.587	4.159.495.330
5. Chi phí phải trả	316		109.500.000	-
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.9	3.374.624.233	3.694.721.467
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.143.080.871	564.324.314
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		949.006.458	1.241.874.773
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>35.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		35.000.000	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.10</b>	<b>42.070.941.447</b>	<b>38.969.184.697</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>42.070.941.447</b>	<b>38.969.184.697</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.927.400.000	25.927.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.136.540.000	1.136.540.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.058.800.890	4.058.800.890
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.473.497.115	1.473.497.115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.474.703.442	6.372.946.692
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>120.676.170.369</b>	<b>101.583.130.740</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại			
- USD	6.1	319.557,35	121.645,77
- EUR	6.1	2.021,79	5.032,99



Nguyễn Quốc Trường  
Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Dương Ánh Hồng  
Phụ trách kế toán

Trần Thị Ninh  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	372.873.182.087	340.252.813.336
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10	5.1	372.873.182.087	340.252.813.336
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	328.473.181.155	298.018.897.362
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.400.000.932	42.233.915.974
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.673.169.666	4.120.129.606
7. Chi phí tài chính	22	5.4	3.370.655.321	4.165.794.055
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		481.075.957	30.083.650
8. Chi phí bán hàng	24	5.5	8.918.384.770	7.034.654.503
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	27.697.273.210	24.253.287.955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.086.857.297	10.900.309.067
11. Thu nhập khác	31		7.819.161	160.697.302
12. Chi phí khác	32		130.436.261	545.267.057
13. (Lỗ) khác	40		(122.617.100)	(384.569.755)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.964.240.197	10.515.739.312
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	1.777.735.697	2.864.905.013
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.186.504.500	7.650.834.299
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.10.3	2.386	2.951



Nguyễn Quốc Trường  
Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Dương Ánh Hồng  
Phụ trách kế toán

Trần Thị Ninh  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.964.240.197	10.515.739.312
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.5	1.196.703.826	1.313.233.337
- (Hoàn nhập) dự phòng	03		-	(2.547.266.333)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		5.470.855	32.636.176
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(256.326.043)	(1.262.487.133)
- Chi phí lãi vay	06		481.075.957	30.083.650
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		9.391.164.792	8.081.939.009
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(13.149.855.468)	1.387.721.302
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.658.693.844)	11.153.661.425
- (Giảm) các khoản phải trả	11		(5.353.247.939)	(11.421.695.081)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(797.082.928)	987.148.281
- Lãi tiền vay đã trả	13		(481.075.957)	(30.083.650)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.346.995.158)	(2.371.377.040)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		21.903.435.864	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(12.017.740.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.507.649.362	(4.230.426.402)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(628.867.273)	(78.600.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		7.818.183	7.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		257.830.768	1.255.214.406
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(363.218.322)	1.183.887.133
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		55.645.685.703	12.877.189.520
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(55.645.685.703)	(12.877.189.520)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.111.288.000)	(10.889.508.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.111.288.000)	(10.889.508.000)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		4.033.143.040	(13.936.047.269)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	20.360.846.173	34.294.346.747
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		31.423.810	2.546.695
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	24.425.413.023	20.360.846.173



Nguyễn Quốc Trường  
Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Dương Anh Hồng  
Phụ trách kế toán

Trần Thị Ninh  
Người lập



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không ("Công ty") trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1173/QĐ/TCCB/LĐ ngày 30/7/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Quyết định số 3892/QĐ- BGTVT ngày 17/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh 6 lần như sau:

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 1	Ngày 18/5/2006
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 2	Ngày 15/8/2007
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 3	Ngày 01/7/2009
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 4	Ngày 05/10/2009
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 5	Ngày 07/7/2011
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 6	Ngày 09/10/2013

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 09/10/2013, Công ty có vốn điều lệ là 25.927.400.000 VND, tương đương 2.592.740 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam sở hữu 41,31%.

Ngày 26/10/2010, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là ARM theo Giấy Chứng nhận Niêm yết Cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Số lao động làm việc tại Công ty ngày 31/12/2014 là 116 người (Tại ngày 31/12/2013 là 109 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 414 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm

- Kinh doanh máy bay, động cơ, dụng cụ, thiết bị, phụ tùng và vật tư máy bay;
- Kinh doanh phương tiện, thiết bị dụng cụ, vật tư và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Đại lý vé, giữ chỗ hàng không trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; và
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

### **2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2.2 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

#### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách Kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

##### **3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

##### **3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **3.4 Các khoản phải thu của khách hàng và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### **3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính (Năm)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

**3.7 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.8 Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

***Thu nhập khác***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế ngân hàng thương mại tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân chia lợi nhuận.

**3.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.11 Thuế**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 22% trên thu nhập tính thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

**Thuế Giá trị gia tăng**

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức sau:

Dịch vụ vận chuyển quốc tế	0%
Dịch vụ ủy thác nhập khẩu	10%
Dịch vụ vận chuyển nội địa	10%
Dịch vụ cho thuê nhà	10%
Các hàng hóa và dịch vụ khác	10%
Hàng mây tre đan	5%

Chiết khấu từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam cho hoạt động bán vé máy bay là thu nhập được miễn thuế GTGT.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

189-00  
CÔNG TY  
KẾ TOÁN  
T.Đ  
NHÂN  
NỘI  
AY - T



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 Công cụ tài chính**

**Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày**

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tiền mặt	98.214.364	229.862.857
Tiền gửi ngân hàng	24.327.198.659	10.130.983.316
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.425.413.023</b>	<b>20.360.846.173</b>

**4.2 Phải thu của khách hàng và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 <sup>κ</sup> VND
<b>Phải thu từ các bên liên quan (i)</b>	<b>11.614.654.735</b>	<b>20.783.920.395</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	11.309.914.092	19.014.569.074
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	304.740.643	1.769.351.321
<b>Các khoản phải thu bên thứ ba</b>	<b>24.629.740.371</b>	<b>31.656.982.656</b>
Tổng Công ty Cảng Hàng không VN	10.006.040.000	13.612.205.165
Công ty Trực thăng miền Nam	-	6.636.169.078
Công ty TNHH Thương mại Hành Tinh Xanh	-	2.509.596.600
Công ty TNHH MTV ALS Thái Nguyên	550.272.800	1.988.985.600
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	-	1.205.160.000
Công ty TNHH Honda Việt Nam	33.960.850	934.220.525
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng	9.312.690.630	-
Các khách hàng khác	4.726.776.091	4.770.645.688
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>36.244.395.106</b>	<b>52.440.903.051</b>

(i): Xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.2 "Nghịệp vụ và số dư với các bên liên quan".

**4.3 Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Trả trước cho người bán - Bên thứ ba</b>	<b>34.569.347.604</b>	<b>6.938.106.092</b>
Công ty TNHH Dụng cụ Hàng không Topcast	19.381.701.523	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Hàng không HT	1.650.834.300	-
Công ty TNHH TM - DV Xuất nhập khẩu An Tâm	5.577.758.800	-
Công ty TNHH Đầu tư B&T	-	2.401.344.000
Công ty TNHH TLD Asia	-	760.626.240
Công ty TNHH Shanghai Cartoo Gse	-	1.028.282.112
Các nhà cung cấp khác	7.959.052.981	2.747.853.740



**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề,  
quận Long Biên, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.4 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Hàng hoá	4.079.494.642	6.377.172.328
Hàng gửi đi bán	10.107.553.613	6.151.182.083
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>14.187.048.255</b>	<b>12.528.354.411</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>14.187.048.255</b>	<b>12.528.354.411</b>

**4.5 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	11.903.616.665	3.119.803.112	4.206.235.373	19.229.655.150
Mua sắm mới	-	-	218.687.273	218.687.273
Giảm khác	-	-	(96.192.662)	(96.192.662)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>11.903.616.665</b>	<b>3.119.803.112</b>	<b>4.328.729.984</b>	<b>19.352.149.761</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	5.937.283.625	1.620.864.976	3.179.898.630	10.738.047.231
Trích khấu hao	577.760.556	332.558.292	286.384.978	1.196.703.826
Giảm khác	-	-	(86.869.754)	(86.869.754)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>6.515.044.181</b>	<b>1.953.423.268</b>	<b>3.379.413.854</b>	<b>11.847.881.303</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2014	5.966.333.040	1.498.938.136	1.026.336.743	8.491.607.919
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>5.388.572.484</b>	<b>1.166.379.844</b>	<b>949.316.130</b>	<b>7.504.268.458</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 3.896.413.803 VND (Tại ngày 01/01/2014 là 3.929.376.647 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.6 Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Phải trả bên liên quan (i)</b>	<b>2.134.888.735</b>	<b>1.556.755.596</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	2.134.888.735	1.556.755.596
<b>Phải trả bên thứ ba</b>	<b>26.874.978.724</b>	<b>29.702.338.145</b>
Tập đoàn Gate	-	7.383.053.525
Công ty Cổ phần AVINTECH	16.500.000	5.246.197.600
Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay - Attech	9.193.660.397	-
Công ty TNHH Thiết bị Máy bay XINFA	1.940.363.250	12.337.248.000
Công ty TNHH Dụng cụ Hàng không Topcast	4.073.393.975	-
Công ty TNHH Dụng cụ Hàng không Formia	1.804.441.500	-
Các nhà cung cấp khác	9.846.619.602	4.735.839.020
<b>Cộng</b>	<b>29.009.867.459</b>	<b>31.259.093.741</b>

(i): Xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.2 "Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan".

**4.7 Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Người mua trả tiền trước - Bên liên quan (i)</b>	<b>31.614.111.946</b>	<b>13.074.777.876</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	370.545.971	153.392.206
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay - VAECO	31.243.565.975	12.921.385.670
<b>Người mua trả tiền trước - Bên thứ ba</b>	<b>5.569.053.098</b>	<b>6.777.602.051</b>
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	2.826.760.434	3.830.473.778
Công ty TNHH MTV Trực thăng miền Bắc	-	286.237.500
Công ty TNHH MTV ALS Thái Nguyên	-	1.572.208.000
Các khách hàng khác	2.742.292.664	1.088.682.773
<b>Cộng</b>	<b>37.183.165.044</b>	<b>19.852.379.927</b>

(i): Xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.2 "Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan".



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.476.825.349	808.272.624
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	289.438.928	858.698.389
Thuế Thu nhập cá nhân	69.871.993	175.085.478
<b>Cộng</b>	<b>1.836.136.270</b>	<b>1.842.056.491</b>

**4.9 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Các khoản phải trả phải nộp khác - Bên liên quan (i)	3.200.000.000	3.200.000.000
<i>Tạm thu tiền hàng và thuế nhập khẩu từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam</i>	<i>3.200.000.000</i>	<i>3.200.000.000</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác - Bên thứ ba	174.624.233	494.721.467
<b>Cộng</b>	<b>3.374.624.233</b>	<b>3.694.721.467</b>

(i): Xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.2 "Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan".



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

## 4.10 Vốn chủ sở hữu

## 4.10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ SH VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>25.927.400.000</b>	<b>1.136.540.000</b>	<b>4.058.800.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>10.277.380.168</b>	<b>42.873.618.173</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.650.834.299	7.650.834.299
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(10.889.508.000)	(10.889.508.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(229.525.029)	(229.525.029)
Chi thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	(74.500.000)	(74.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(765.083.430)	(765.083.430)
Tăng khác	-	-	-	-	403.348.684	403.348.684
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>25.927.400.000</b>	<b>1.136.540.000</b>	<b>4.058.800.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>6.372.946.692</b>	<b>38.969.184.697</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>25.927.400.000</b>	<b>1.136.540.000</b>	<b>4.058.800.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>6.372.946.692</b>	<b>38.969.184.697</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	6.186.504.500	6.186.504.500
Chia cổ tức trong năm (i)	-	-	-	-	(3.111.288.000)	(3.111.288.000)
Hoàn nhập thưởng ban điều hành	-	-	-	-	29.525.029	29.525.029
Giảm khác	-	-	-	-	(2.984.779)	2.984.779
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>25.927.400.000</b>	<b>1.136.540.000</b>	<b>4.058.800.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>9.474.703.442</b>	<b>42.070.941.447</b>

(i): Chia cổ tức năm 2013 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 2014 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không số 09/2014/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 28/4/2013. Theo đó, mức chi trả lần 2 năm 2013 bằng tiền với tỷ lệ 12% (1.200 VND/cổ phiếu) là 3.111.288.000 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.10 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

**4.10.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh		Số vốn đã góp				
			Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014		
	Số tiền 1.000 VND	%	Số cổ phần 1.000 CP	Số tiền 1.000 VND	Thặng dư vốn 1.000 VND	Số cổ phần 1.000 CP	Số tiền 1.000 VND
TCT Hàng không Việt Nam	10.710.000	41,31	1.071	10.710.000	-	1.071	10.710.000
Các cổ đông khác	15.217.400	58,69	1.521,74	15.217.400	1.136.540	1.521,74	15.217.400
<b>Cộng</b>	<b>25.927.400</b>	<b>100</b>	<b>2.592,74</b>	<b>25.927.400</b>	<b>1.136.540</b>	<b>2.592,74</b>	<b>25.927.400</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.10 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

**4.10.2 Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 31/12/2014 Cổ phiếu</b>	<b>Tại ngày 01/01/2014 Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.592.740	2.592.740
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.592.740	2.592.740
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.592.740	2.592.740
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.592.740	2.592.740
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng/CP	10.000	10.000

**4.10.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế	6.186.504.500	7.650.834.299
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.592.740	2.592.740
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>2.386</b>	<b>2.951</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>372.873.182.087</b>	<b>340.252.813.336</b>
Doanh thu bán hàng hóa	311.641.703.884	280.090.384.209
Doanh thu dịch vụ ủy thác nhập khẩu	16.493.022.142	16.492.107.862
Doanh thu dịch vụ ủy thác vận chuyển	33.582.733.576	32.198.688.555
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà	8.831.041.497	9.071.875.896
Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay	2.311.560.168	2.289.049.314
Doanh thu dịch vụ khác	13.120.820	110.707.500
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>372.873.182.087</b>	<b>340.252.813.336</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	296.435.166.233	267.164.375.320
Giá vốn dịch vụ ủy thác vận chuyển	32.024.861.562	30.765.844.842
Giá vốn dịch vụ khác	13.153.360	88.677.200
<b>Cộng</b>	<b>328.473.181.155</b>	<b>298.018.897.362</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	257.830.768	1.255.214.406
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.415.338.898	2.864.915.200
<b>Cộng</b>	<b>3.673.169.666</b>	<b>4.120.129.606</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	481.075.957	30.083.650
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.884.108.509	4.103.074.229
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.470.855	32.636.176
<b>Cộng</b>	<b>3.370.655.321</b>	<b>4.165.794.055</b>

**5.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	8.201.539.333	8.109.722.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.652.456	29.652.456
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải trả	687.192.981	(1.104.720.454)
<b>Cộng</b>	<b>8.918.384.770</b>	<b>7.034.654.503</b>

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.353.927.205	12.318.591.999
Chi phí vật liệu văn phòng	1.084.088.565	1.340.295.212
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	314.104.998	307.764.000
Chi phí khấu hao tài sản (Hoàn nhập) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	1.167.051.370	1.283.580.881 (2.547.266.333)
Thuế và các khoản lệ phí	86.341.550	345.989.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.181.215.878	7.861.393.462
Chi phí khác bằng tiền	3.510.543.644	3.342.938.898
<b>Cộng</b>	<b>27.697.273.210</b>	<b>24.253.287.955</b>

**5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.964.240.197</b>	<b>10.515.739.312</b>
<b>Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận</b>	<b>116.376.607</b>	<b>398.350.502</b>
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>116.376.607</i>	<i>398.350.502</i>
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	147.800.417	393.066.306
Các khoản thu nhập/ chi phí không tính thuế khác	(31.423.810)	5.284.196
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>8.080.616.804</b>	<b>10.914.089.814</b>
Lỗi tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>8.080.616.804</b>	<b>10.914.089.814</b>
Thuế suất (%)	22%	25%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>1.777.735.697</b>	<b>2.728.522.454</b>
Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết định	-	136.382.559
Thanh tra thuế số 42939 ngày 28/10/2013	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính</b>	<b>1.777.735.697</b>	<b>2.864.905.013</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	858.698.389	365.170.417
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.346.995.158)	(2.371.377.040)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>289.438.928</b>	<b>858.698.389</b>

**5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	21.555.466.538	20.428.314.500
Chi phí vật liệu	297.519.254.798	268.504.670.532
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	314.104.998	307.764.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.196.703.826	1.313.233.337
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	-	(2.547.266.333)
Thuế và các khoản lệ phí	86.341.550	345.989.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.893.270.421	37.611.195.050
Chi phí khác bằng tiền	3.523.697.004	3.342.938.898
<b>Cộng</b>	<b>365.088.839.135</b>	<b>329.306.839.820</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Công cụ tài chính**

**6.1.1 Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (Bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12 "Công cụ tài chính".

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.425.413.023	20.360.846.173
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.482.475.721	52.440.903.051
<b>Cộng</b>	<b>60.907.888.744</b>	<b>72.801.749.224</b>

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	32.384.491.692	34.953.815.208
<b>Cộng</b>	<b>32.384.491.692</b>	<b>34.953.815.208</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà chúng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Với hoạt động của mình, Công ty phải đối mặt với rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro này như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)**

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, Công ty không có rủi ro lãi suất trọng yếu do phần lớn các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty có lãi suất cố định.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

	<b>Ngoại tệ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2014 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2014 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	319.557,35	121.645,77
Phải thu khách hàng, trả trước cho người bán	USD	1.243.203,30	283.274,08
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	USD	(1.766.003,41)	(1.190.718,71)
<b>Tài sản/nợ phải trả tài chính thuần</b>	<b>USD</b>	<b>(203.242,76)</b>	<b>(785.798,86)</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	EUR	2.021,79	5.032,99
Phải thu khách hàng, trả trước cho người bán	EUR	97.769,00	11.395,95
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	EUR	(203.245,76)	(89.813,78)
<b>Tài sản/nợ phải trả tài chính thuần</b>	<b>EUR</b>	<b>(103.454,97)</b>	<b>(73.384,84)</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	GBP	-	(400,00)
<b>Tài sản tài chính thuần</b>	<b>GBP</b>	<b>-</b>	<b>(400,00)</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

#### 6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

##### 6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

###### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết năm tài chính, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng đáng kể nào. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 6.2 "Nghịệp vụ và số dư với các bên liên quan".

###### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc tổng tài sản ngắn hạn lớn hơn 1,42 lần so với nợ ngắn hạn, duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Qua đó, làm giảm rủi ro thanh khoản của Công ty và hiện tại, Công ty đang đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	34.953.815.208	-	34.953.815.208
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	32.384.491.692	-	32.384.491.692

#### 6.2 Nghịệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty; Tổng Công ty Hàng không Việt Nam và các công ty trực thuộc Tổng Công ty.

Trong kỳ, Công ty có số dư và nghịệp vụ với các bên liên quan như sau:





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)**

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam</b>	<b>127.961.653.942</b>	<b>108.225.945.188</b>
Doanh thu bán hàng hóa	85.976.899.286	66.493.013.425
Doanh thu ủy thác vận chuyển	33.331.545.955	30.890.470.010
Doanh thu ủy thác nhập khẩu	8.160.910.188	10.076.860.923
Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay	479.177.693	654.893.330
Doanh thu khác	13.120.820	110.707.500
<b>Công ty TNHH KT Máy bay VAECO</b>	<b>5.312.952.634</b>	<b>20.546.599.176</b>
Doanh thu bán hàng hóa	-	13.925.818.182
Doanh thu ủy thác	5.312.952.634	6.620.780.994
<b>Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài</b>	<b>-</b>	<b>4.391.509.087</b>
Doanh thu bán hàng hóa	-	4.391.509.087
<b>Cộng</b>	<b>133.274.606.576</b>	<b>133.164.053.451</b>

**Số dư với bên liên quan**

- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.2 - "Phải thu của khách hàng";
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.6 - "Phải trả người bán";
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.7 - "Người mua trả tiền trước"; và
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.9 - "Các khoản phải trả, phải nộp khác".

**Thu nhập của Ban Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương thưởng của HĐQT, Ban Giám đốc	1.677.157.741	1.386.781.633
Thưởng ban quản lý, điều hành	200.000.000	307.790.619
Thù lao HĐQT, BKS năm 2014	226.000.000	184.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.103.157.741</b>	<b>1.878.572.252</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**6.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Quốc Trường**  
Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

\_\_\_\_\_  
**Dương Ánh Hồng**  
Phụ trách kế toán

\_\_\_\_\_  
**Trần Thị Ninh**  
Người lập





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **990** /2015/XNK-QLCĐ  
V/v: Giải trình biến động LN sau thuế  
trước và sau kiểm toán năm 2014.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012, Công ty cổ phần XNK Hàng không (mã chứng khoán ARM) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2014 đã kiểm toán tăng 0,24% so với số liệu trước kiểm toán, vì những lý do sau:

- Điều chỉnh tăng doanh thu: 1.364.763.000 đồng,
- Điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán: 1.323.563.995 đồng,
- Điều chỉnh tăng chi phí quản lý: 26.170.583 đồng.

Do đó lợi nhuận tăng thêm là 15.028.422 đồng tương đương 0,24% so với báo cáo tài chính trước kiểm toán.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không xin giải trình tới UBCKNN, SGDCCKHN và các cổ đông của công ty.

Xin trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; QLCĐ. *9/10*



Nguyễn Quốc Trường